

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 130/2022/DS - ST

Ngày : 06/9/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng thẻ tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Vô

2. Bà Trần Nguyệt Mai

-Thư ký phiên tòa : Bà Hoàng Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2021/TLST-DS ngày ngày 26 tháng 11 năm 2021 về “ Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXX-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT

Trụ sở: Lầu 8-266-268 NKKN, Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà NĐTD–Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông PTT, sinh năm 1994 (vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 675/2021/UQ-TTT ngày 23/6/2021)

Địa chỉ: Lầu 8-266-268 NKKN, Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông TNS, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 159 Lầu 2, TNK, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án ông PTT là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 09/3/2011 Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT(gọi tắt là ngân hàng) và ông TNS có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng(gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số thẻ 436361-4687 với hạn mức sử dụng là 30.000.000đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 17.280.915 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông S đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 2.500.000 đồng. Tổng số tiền thanh toán được áp dụng theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Do ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 26/10/2011 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu S nợ quá hạn, dư nợ tại thời điểm này là 19.264.482 đồng làm nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 30/12/2021 ông S còn nợ các khoản sau: nợ gốc là 19.264.482 đồng, nợ lãi quá hạn là 77.016.771 đồng, tổng cộng là 96.281.253 đồng. Ngân hàng yêu cầu tòa án buộc ông S trả cho ngân hàng tổng số tiền là 96.281.253 đồng.

Ông S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 31/12/2021 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông TNS đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông TNS phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 06/9/2022 là 101.458.503 đồng, trong đó nợ gốc là 19.264.482 đồng, nợ lãi quá hạn là 82.194.021 đồng.

Ngoài ra, ông S còn có trách nhiệm thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 07/9/2022 cho đến khi ông S trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định pháp luật và các điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”, do bị đơn ông TNS có địa chỉ cư trú cuối cùng tại Quận X nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn ông TNS đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông S vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

***Về nội dung:**

[1] Về yêu cầu đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/3/2011 Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng quốc tế cho ông TNS, hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng cho thẻ là 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 17.280.915 đồng, đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 2.500.000 đồng. Tổng số tiền thanh toán được áp dụng theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Do ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 26/10/2011 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu S nợ quá hạn, dư nợ tại thời điểm này là 19.264.482 đồng làm nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày xét xử 06/9/2022 ông S còn nợ ngân hàng tổng cộng là 101.458.503 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông TNS phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 101.458.503 đồng (trong đó nợ gốc là 19.264.482 đồng, nợ lãi quá hạn là 82.194.021 đồng). Ông S còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 07/9/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ vào bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, có đủ cơ sở để chứng minh ông S đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng nêu trên, số tiền ông S thực hiện các giao dịch, số tiền đã thanh toán, ông S hiện còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 19.264.482 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông S trả số nợ gốc trên là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về lãi suất: Căn cứ thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng quy định mức lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng quốc tế là 2,15%/tháng, lãi quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn (3,225%/tháng).

Xét thấy, mức lãi suất trên do các bên tự nguyện thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất trên có cơ sở để chấp nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông S trả số nợ lãi quá hạn 82.194.021 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Như vậy tổng số tiền ông S có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng, gồm nợ gốc và nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 101.458.503 đồng. Ông S còn nghĩa vụ thanh

toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 07/9/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông S đến tòa để trình bày ý kiến của mình nhưng ông S vẫn vắng mặt xem như đã từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình trước tòa.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông TNS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.072.925 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.285.884 đồng.

Vì các lẽ trên,

Quyết Định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT.

- Buộc ông TNS phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền nợ của thẻ tín dụng quốc tế là 101.458.503 đồng (một trăm lẻ một triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn năm trăm lẻ ba đồng), trong đó nợ gốc là 19.264.482 đồng (mười chín triệu hai trăm sáu mươi tư ngàn bốn trăm tám mươi hai đồng), nợ lãi quá hạn là 82.194.021 đồng (tám mươi hai triệu một trăm chín mươi tư ngàn không trăm hai mươi một đồng). Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/3/2011 (số thẻ 436361-4687).

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông S phải tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông TNS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.072.925 đồng (năm triệu không trăm bảy mươi hai ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.285.884 đồng(hai triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi tư đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021-0009589 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Kim Liên

